|  |  |
| --- | --- |
| Tuần:  Tiết: 41 | Ngày soạn:  Ngày dạy : |

**LUYỆN TẬP 2**

**I. MỤC TIÊU:**

**1.*Kiến thức* :** Tiếp tục củng cố định lý Py-ta-go và định lý Py-ta-go đảo

**2.*Kỹ năng*:** Vận dụng định lý Py-ta-go để tính độ dài một cạnh của tam giác vuông và vận dụng định lý Py-ta-go đảo để nhận biết một tam giác là tam giác vuông.

**3.*Thái độ* :** Hiểu và biết vận dụng kiến thức học trong bài vào thực tế

**4. Định hướng năng lực, phẩm chất**

***- Năng lực:*** Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực hợp tác, năng lực ngôn ngữ, năng lực tự học.

***- Phẩm chất:*** Tự tin, tự chủ.

**II. CHUẨN BỊ:**

**\* GV:** Thước thẳng, thước đo góc, êke, compa, phấn màu.

**\* HS :** Học bài, làm bài tập. Thước thẳng. Thước đo góc.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:**

1. **Ổn định lớp:**
2. **Tiến trình dạy học:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** | **GHI BẢNG** |
| **A. Hoạt động luyện tập**  **Mục tiêu:**Luyện tập kỹ năng vận dụng định lý Pytago vào trong tam giác vuông của học sinh  **Phương pháp:** Hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm | | |
| Cho HS làm bài 60/133 SGK  - Kiểm tra bài tập về nhà của HS  - Nhận xét, đánh giá, sửa sai (nếu có) mỗi bài làm của HS | - Vẽ hình, áp dụng ĐL Pytago để tính các đoạn AC và BH.  AC2 = AH2 + HC2  = 122 + 162  = 400  => AC = 20 (cm)  AB2 = AH2 + HB2  => HB2= AB2 - AH2  = 132 - 122  = 25  => HB = 5 (cm) | Trong tam giác vuông AHC  Áp dụng ĐL Pytago ta có:  AC2 = AH2 + HC2  = 122 + 162  = 400  => AC = 20 (cm)  Tương tự : BH = 5 (cm)  => BC = BH + HC = 5 + 16 = 21 (cm) |
| Làm bài tập 59/133 SGK  GV nhận xét sửa sai | HS nhận xét | Trong hình chữ nhật ABCD ta có AB = CD = 36 cm  AD = BC = 48 cm  Trong tam giác vuông ABC  Áp dụng ĐL Pytago ta có:  AC2 = AB2 + BC2  = 362 + 482  = 3600  => AC = 60 (cm) |
| **B. Hoạt động vận dụng**  **Mục tiêu:** Vận dụng định lý Pytago vào trong các trường hợp mở rộng.  **Phương pháp:** | | |
| - GV hướng dẫn HS ghi thêm kí hiệu điểm E, D  Muốn tính cạnh AB ta tính như thế nào?  Tương tự tính AC, BC  - Gọi HS lên bảng làm | Áp dụng ĐL Pytago:  AB2 = AF2 + BF2 | |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | |  | | --- | | C | |  |  |  | D |  | |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  | B | |  |  |  |  |  |  | | E |  |  | A |  | F |   Áp dụng định lí Pi Ta Go trong tam giác vuông ABF có  AB2 = AF2 + BF2  AB2 = 22 + 12 = 4+ 1 =5  ⇒ AB =  Tương tự: AC = 5 ; BC = |
| **C. Hoạt động tìm tòi mở rộng + bài tập nhà**  **Mục tiêu:** Khuyến khích sự tò mò sáng tạo của học sinh khi vận dụng định lý Pytago  **Phương pháp:** Hoạt động cá nhân | | |
| - Để biết con Cún tới được vị trí A, B, C, D không ta làm thế nào? | Tính khoảng cách từ O đến A, B, C, D rồi so sánh với 9 nếu khoảng cách < 9 thì con Cún đến được các điểm, còn lớn hơn thì nó không đến được  OA2 = 32 + 42 = 52 ⇒ OA = 5 < 9  OB2 = 44 + 62` = 52 ⇒ OB =  OC2 = 82 + 62 = 102 ⇒ OC = 10 > 9  OD2 = 32 + 82 = 73 ⇒ OD = | A 4m 8m D  3m  6m O  6m  B C  OA2 = 32 + 42 = 52 ⇒ OA = 5 < 9  OB2 = 44 + 62` = 52 ⇒ OB =  OC2 = 82 + 62 = 102 ⇒ OC = 10 > 9  OD2 = 32 + 82 = 73 ⇒ OD =  Vậy con Cún đến được các vị trí A, B, D nhưng không đến được vị trí C.  - Học thuộc định lý Py-ta-go (thuận và đảo)  - BTVN: 82, 83, 86 (SBT)  .**-** Chuẩn bị bài ***“Các trường hợp bằng nhau của tam giác vuông ”*** |